

Từ Rạch Cát

tới Tòa Đại Sứ Mỹ

HỒI KÍ

Thích Trí Quang

Lời Toà Soạn : Trong khuôn khổ loạt bài kỉ niệm năm 1963, chúng tôi đăng dưới đây chứng từ của Thượng toạ Thích Trí Quang, nhân vật chủ chốt của Phong trào Phật giáo miền Nam. Bài thứ nhất là hồi kí về giai đoạn 20.8-1.11.1963. Bài thứ nhì trích dẫn những đoạn chính trong lược ghi tự truyện của tác giả.

Nói Saigon mà chỉ nói Xá Lợi cũng đủ để hình dung. Quân đội vòng ngoài, cảnh sát lái xe tải chờ sẵn, rồi lực lượng đặc biệt có công an phụ lực, tấn công vào chùa lúc 11 giờ đêm. Dạn thật, đạn giả, lựu đạn cay, phi pháo, rồ lên loạn xạ. Dùi cui và búa được dùng để đập phá cửa ngõ của chùa, đánh vào đầu vào ngang lưng của tầng ni Phật tử. Chết chóc cũng có, bất tỉnh nhiều nhất, nhiều hơn nữa là lỗ đầu, u trán, sung mặt, vẹo người, què tay chân. Khói lựu đạn cay và thuốc súng xông lên, bám hay xém vào y áo tầng ni Phật tử mà sau đó mười ngày ở trong Rạch Cát vẫn còn nồng nặc.

Các thầy Tâm Châu, Thiện Hoa, Hộ Giác, Đức Nghiệp, Giác Đức, Chánh Lạc, cụ Chánh Trí, đều bị còng tay điệu ra, tống lên xe tải hay xe nhỏ. Ngài Hội chủ, một bên trán mặt đỏ và sưng lên thấy rõ, cũng bị điệu ra, lên một xe riêng. Còn tầng ni Phật tử, Nam tông cũng như Bắc tông, thương tích máu me, y áo tơi tả, vừa bị đánh đập vừa bị lôi kéo, tống hết lên xe tải, đậu từ Xá Lợi ra đến đường Hiền Vương. Đồ đạc Xá Lợi thì trên từ tòa sen của Phật xuống đến bất cứ cái gì, chúng nghi và ghét là đập phá. Chúng lại tịch thu, ăn cắp. May mà trước đó quả tim của ngài Quảng Đức và những gì trong tủ kết đã được cụ Chánh Trí đưa gửi ngân hàng. Bản thảo một cuốn sách của tôi đang sửa chữa cũng được gửi theo.

Ngang đây tạm ngưng để nói đến hai vị Thánh, hai vị Bồ tát, đầu tiên trong giai đoạn thiết quân luật, là cháu Quách Thị Trang và ngài Quảng Hương. Nguyên cảnh sát canh gác chúng tôi ở trại Rạch Cát có một số người Miên. Ngay hôm mới vào, họ đã bí mật liên lạc với chư tăng Nam tông chùa Changransey, cho biết khá nhiều tin tức và tình hình ở ngoài. Tin tức họ cho có sự bị giết của cháu Quách Thị Trang và sự tự thiêu của ngài Thích Quảng Hương. Ngài thì tôi đã ghi rồi, ở trong chương 28. Còn cháu Quách Thị Trang là nữ sinh trung học đệ nhất cấp, đoàn Gia đình Phật tử Giác Minh. Đêm hôm ông Diệm thiết quân luật thì ngay sáng hôm ấy cháu cùng một số Phật tử tức khắc trà trộn vào chợ Bến Thành, từ đó xông ra công trường trước chợ mà biểu tình. Cháu cầm biểu ngữ bằng tấm bảng, viết vội vàng “yêu cầu thả tầng ni Phật tử”. Cháu xông lên trước, hô lớn “phản đối đàn áp Phật giáo”, “đả đảo đánh phá chùa chiền”, “đả đảo”, “đả đảo”... Cháu vừa hô vừa khóc. Phật tử cùng biểu tình cũng hô cũng khóc. Quân chúng Phật tử trong chợ đổ ra, hô theo.

Nhân viên công lực bấy giờ tàn bạo hết nói. Chúng có cái quyền “tiền trạm” mà không cần “hậu tẩu”. Chúng đây là cảnh sát đồn Lê Văn Ken hay gì đó. Chúng bắn cháu chết tại chỗ, bắn ngay vào ngực của cháu. Rồi chúng bắn thật, bắn dọa, đánh đập hết cỡ, hành hung loạn xạ, vây bắt đem đi hết. Ở trong trại Rạch Cát ai nghe cũng ngậm ngùi, ứa nước mắt. Chỗ cháu bị bắn chết, sau này, học sinh sinh viên đặt tên là công trường Quách Thị Trang. Chợ Bến Thành được đổi gọi là chợ Quách Thị Trang. Một tượng bán thân của cháu được một sinh viên tự đắp lấy và dựng tại công trường này.

Quay lại kể tiếp. Riêng tôi, khi tấn công Xá Lợi, chúng dở họa đồ ra tìm đúng chỗ tôi là các tầng tháp Xá Lợi. Chỗ nằm, chỗ làm việc, chúng tìm không sai. Nhưng chúng không ngờ một tuần trước đó vì chịu không nổi mùi sơn viết biểu ngữ, tôi đã xuống hậu tam của chánh điện Xá Lợi. Ở đó sát vách với bộ phận tầng ni đánh máy quay ronéo. Nên tôi bị bắt với bộ phận ấy. Vì vậy mà chúng đã không tìm ra. Lúc lên xe tải, cảnh sát lái và cảnh sát gác hỏi nhỏ có ông lớn nào thoát không ? Chúng tôi không ai trả lời gì. Sau đó biết cảnh sát trên các xe khác cũng hỏi như vậy. Rồi cả đoàn xe chạy. Một hồi thì ngừng. Thì ra chiếc xe đi trước hết bị hỏng (sau này nghe nói là cố ý). Mà đường thì hẹp. Nhìn ra thấy đường nằm trên

cánh đồng. Đường thấp, đồng có nước mà chắc là cạn. Các anh cảnh sát nói chuyện với chúng tôi, nói rất nhỏ, rằng ai muốn thì thoát đi. Nhưng không ai làm việc ấy cả.

Một hồi thì xe lại chạy. Đến một nơi mà sau đó biết tên là đồn Rạch Cát. Bảy giờ quang 3,4 giờ sáng. Không mưa nhưng lạnh. Chúng tôi bị lừa vào hai dãy nhà. Tôi với một số chư tăng vào một nhà. Thì đã thấy có chư tăng ở trước đó. Mới biết Giác Minh, Ấn Quang, Già Lam, Huệ Nghiêm, Pháp Quang, Changransey cũng bị bắt cả rồi. Bên dãy nhà chư ni và Phật tử cũng là như vậy. Tôi hơi mệt, nên nhà lạnh và dơ mà vẫn nằm. Thì có một tăng sĩ mà đến nay tôi vẫn chưa biết là ai, đến ngồi xếp bằng bảo tôi gối đầu lên về cửa thầy mà ngủ. Quảng một giờ cả nhà hơi nhốn nháo. Thì ra cụ Chánh Trí bị buộc đi theo hai cảnh sát ruồng trong các nhà. Vừa đi, cụ vừa nhìn vừa nói không có, không có. Khi đến tôi, chúng tôi nhìn nhau mà cụ càng nói không có, không có. Mới hay chúng dẫn cụ đi nhìn mặt để bắt tôi. Sau đó biết các lãnh đạo cấp cao và cấp kẻ đều bị bắt đi riêng cả. Ai chưa thì họ lũng trại Rạch Cát mà bắt. Thế nhưng sót lại còn ngài Thiện Luật, tôi với thầy Huyền Quang, thầy Hộ Giác. Phần tôi, họ lũng không ra, lại nghi tị nạn ở tòa đại sứ nào rồi. Sau đó tin cho biết như vậy. Lại cho biết họ vẫn còn nghi, đã cho một thầy vốn học cùng Phật học viện với tôi, làm như bị bắt mà vào Rạch Cát dò xét. Quả có thầy ấy. Thầy giáp mặt tôi mà không nói gì, rồi cũng không thấy gì.

Nay hãy tiếp tục câu chuyện. Khi họ lũng rồi, vị tăng sĩ trên nói với tôi, bây giờ gần sáng rồi. Khi thầy ngủ, chúng con đã bàn với nhau. Bây giờ xin thầy mặc y Nam tông (đã có một tăng sĩ Nam tông đợi đổi y áo với tôi). Rồi dời qua ở bên nhà của chư tăng Nam tông. Ở đó có cả chư tăng chùa Changransey, sẽ bảo hộ thầy. Ngoài ra chư tăng Già Lam được phân công theo dõi thầy mà giúp đỡ. Bỏ phần con đến đây là hết. Tôi ngạc nhiên và cảm kích sự sắp đặt ấy, nên bây giờ nằm sát với ngài Thiện Luật, thầy Hộ Giác. Tăng ni hỏi ý kiến gì thì tôi bàn với hai vị này mà chỉ bày.

Ở đây nói trước về tăng ni Phật tử trẻ đã. Suốt cuộc vận động 1963 của Phật giáo, không một ai bị bắt trước hay sau thiết quân luật mà để cho đối phương khinh thường. Tăng ni Phật tử lớn tuổi đã đành là như thế. Tăng ni Phật tử trẻ càng là như thế. Họ thật khôn ngoan, trung hậu, và rất anh hùng. Họ tin tưởng và bảo vệ lãnh đạo đến kỳ lạ. Chính những ngày ở Rạch Cát với họ mà tôi thấy rõ và tin tưởng họ hơn lên. Nội việc trên dưới 500 người ở chung mà tin tức về tôi không bị lộ ra, đã là cả một vấn đề. Sau CM 1/11, tin tức nghe được từ mọi phía, tại Sài Gòn cũng như tại các tỉnh, không ai mà không thần phục tăng ni Phật tử trẻ mà càng cường. Không ai gặp một tăng ni Phật tử trẻ nào bị tra tấn mà khuất phục, phản bội. Cũng không ai mà không công nhận rằng, trong tình trạng giới nghiêm, tăng ni Phật tử trẻ đã gây ra bao nhiêu là xúc động, cảm phục, tích cực hoạt động theo.

Lại tiếp tục câu chuyện. Ở trại Rạch Cát, sau một ngày bị bắt, thầy Nhật Thiện (vốn đồng sư và đồng châu với tôi) và thầy Hành Tuệ (sau chết trong chuồng cọp ở Côn Đảo) bàn nhau cùng ở sát tôi, dời ở một nơi nhỏ hơn. Họ lo cho tôi hết sức hết lòng. Trong thời gian này họ bắt khai lý lịch, lẫn tay, chụp ảnh. Đến lượt tôi, thầy Nhật Thiện kéo một tăng sĩ Nam tông nữa cùng đi với tôi. Đến bàn làm việc họ cùng ngược lên nhìn rồi cùng cúi xuống cả. Rõ ràng có cái gì đó. Nên lời khai thì tôi đọc, hình thì thầy Nhật Thiện chụp, dấu tay thì tăng sĩ kia lẩn. Họ làm việc mà không hỏi hay nhìn kỹ đối phương là ai. Thầy Nhật Thiện nói phiếu lý lịch này không dùng được vào việc gì cả. Ni sư Huệ Nghiêm qua thăm, tôi dặn kỹ công việc khi được phóng thích. Rồi viết một bài gọi là Thiền của ngài Qui Sơn, bằng cách nhớ và dịch giải bài minh trong Văn Cảnh sách của ngài.

Thời gian này thầy Nhật Thiện và ni sư Huệ Nghiêm bàn riêng với nhau, sắp đặt cho tôi thoát ra. Họ liên lạc được với một cảnh sát vốn là công chức bị bắt mặc đồ cảnh sát vào gác ban đêm. Người này chịu, hẹn tối hôm đó mang thêm một bộ đồ cảnh sát vào cho tôi thay để sáng sớm hôm sau đèo xe người ấy chở ra. Nhưng gần trưa hôm sau đã được phóng thích. Việc phóng thích cũng ngỡ ngàng.

Nguyên trước đó thầy Thiện Hoà vào thăm cả trại, có xuống thăm riêng tôi, nói hễ được phóng thích thì thầy đưa về Ấn Quang. Nhưng khi phóng thích thì cả thầy ấy và thầy Nhật Minh cho người xuống nói với tôi, rằng họ biết đích xác có tôi ở đây rồi. Xin thầy tự liệu. Tôi chẳng liệu gì cả. Cũng không phiền gì. Nguyên lãnh đạo Phật giáo có đem việc bị bắt ra bàn, rằng ai ở ngoài được thì nên ở. Nhưng chẳng ai chịu cả. Đến nay tôi cũng chẳng thiết gì lắm được phóng thích ra. Chúng tôi ý thức bị bắt, hơn nữa bị

giết, thì rất có tác dụng. Nên bây giờ tôi vẫn thản nhiên. Nhưng một tăng sĩ Nam tông, người Huế, miệng nói tay đây, thúc tôi đi ra với nhóm chư tăng Pháp Quang.

Khi điểm danh, đúng lúc thầy Hộ Giác bị bắt xuống xe tải thì tôi lên xe tải ấy, trước cái nhìn của ngài Thiện Luật. Ngài thản nhiên. Nhưng ai cũng biết ngài vừa thương vừa mừng. Chư ni đứng chờ, mừng lộ quá, thấy là biết liền, không hiểu tại sao chẳng xảy ra chuyện gì. Về Pháp Quang thì tôi đi tắm giặt, thầy Nhật Thiện xuống Xá Lợi, chạy về với ni sư Huệ Nghiêm, cùng báo tin họ biết tôi không ra với chư tăng Changransey thì với chư tăng Pháp Quang. Họ sắp đến đây. Quả nhiên, trời mưa như trút nước mà nhìn thấy họ đã bao vây bốn phía Pháp Quang, súng đã chĩa vào qua hàng rào.

Cùng lúc, bộ phận chỉ huy vào thưa với ngài Thiện Luật bảo chư tăng ra cho họ kiểm tra, “kéo thiếu ai thì họ bị trách nhiệm”. Ngài giằng co, từ chối, hẹn sáng mai, nói hôm nay mới về, chư tăng có người thưa tôi đi ra ngoài không ít. Họ không chịu. Đúng lúc ấy, với ý nghĩ vừa phát sinh, tôi bảo thầy Nhật Thiện và thầy Nhâm đi với tôi, xuống thưa ngài Thiện Luật, ngay trước mặt họ rằng chúng con đã viết thư ngài báo (mà thật ra tôi mới viết vội vàng). Xin ngài ký cho để chúng con đưa về Thầy Thiện Hoà. Thư có nội dung cảm ơn việc được phóng thích mà chúng tôi qui công cho thầy ấy. Biết ý, ngài bảo đọc, rồi ký, lại nói trời sắp tối rồi, các thầy đi mau mà về. Đi bây giờ để tỏ lòng chân thành.

Chúng tôi vâng dạ rồi đội mưa mà đi. Thì trước sân chùa, gần ngoài ngõ, đã có hai chiếc taxi đậu ở đó, không bình thường. Xe sơn vành đỏ, có nghĩa tài xế có thể bắt về tổng nha công an. Nhưng tôi vẫn đi một trong hai chiếc xe ấy, bụng nghĩ mọi việc ở chính cái anh chàng tài xế công an này. Thật ra hai thầy vẫn nghĩ tôi đi Ấn Quang, nhưng biết rằng cần yên lặng để tôi liệu.

Xe ra đến đường lớn, tôi nói với hai thầy, kỳ hạn xuất gia của tôi quá hơn một tháng rồi. Chuyến này tôi sẽ xin sư cụ trở về, lập gia đình. Hiểu ý, hai thầy nói anh em tôi cũng vậy. Anh tài xế bèn lên tiếng, vậy ra các ông không muốn tu nữa ? Tôi cắt nghĩa cái lệ xuất gia có kỳ hạn của Phật giáo Nam tông là thế nào : ai muốn tu một thời gian để kiếm phước và tập tánh tốt thôi, thì có thể xuất gia từ một tháng cho đến vài ba năm, tùy ý, sau đó về nhà như thường. Ở các xứ Miên, Lào còn được miễn trọng hơn lên.

Tài xế hỏi, các ông vừa rồi có bị bắt không ?

Tôi nói bị bắt mới được thả ra trưa nay.

Tại sao bị bắt ?

Tại đi biểu tình.

Ai bảo các ông đi biểu tình ?

Thấy trên đi thì đi. Tôi nói thế, nghĩ vừa phải rồi nên bẻ qua chuyện khác. Rằng từ chùa về tới Ấn Quang mà chỉ được 20 đồng tiền xe. Máy ngày nay tù túng quá, chúng tôi muốn ra bên tàu chơi một chút rồi đi Ấn Quang, anh giúp được không ? Được, được.

Tôi biết chắc anh sẽ trả lời như vậy để có dịp dò xét hơn nữa. Tôi nghĩ, thế thì được quá đi rồi. Và biết hai thầy đã thừa hiểu ý tôi. Ra bên tàu, đến gần đường Hàm Nghi, tôi nói khi sáng đến giờ nặng đầu quá, anh làm ơn quẹo vào đây cho tôi tìm hiệu thuốc mua vài viên aspirine, được không ? Anh lại nói được, được, và thêm, kể như làm phước giúp mấy ông vậy mà. Khi tìm ra hiệu thuốc thì tôi nói cả ba cùng đi bộ cho giãn chân căng một chút. Vừa đi vào hiệu thuốc tôi vừa hỏi nhỏ thầy Nhật Thiện, biết toà đại sứ Mỹ ở ngay trước cửa hiệu thuốc, lại biết luôn luôn mở cửa. Ra khỏi hiệu thuốc, tôi nói với tài xế, anh cứ lái xe theo chúng tôi ra bên tàu, chúng tôi đi bộ chút nữa. Nói rồi tôi đi luôn, không để tài xế phản ứng gì.

Toà đại sứ Mỹ bây giờ nằm trên đường Hàm Nghi, cùng phía với hiệu thuốc. Hiệu thuốc ở góc trên, toà đại sứ ở góc dưới, của con đường nhỏ hơn, băng ngang đường Hàm Nghi. Nhưng khi đi qua thấy cửa hơi khép. Tôi đi thẳng. Đi qua chiếc xe ca đang đậu ở đó, ngoái lại thì cửa mở rộng. Thế là chúng tôi bất ngờ

quay lại, đi nhanh vào. Công an cảnh sát gác ngoài cửa ấy càng bất ngờ, không phản ứng kịp, chỉ nắm được tay thầy Nhâm nhưng thầy ấy giật ra.

Anh lính Mỹ đứng sẵn nơi cửa, hai tay khoanh lại cho đúng thủ tục, nhưng xê ra cho chúng tôi vào phòng anh, nhỏ và gần sát lề đường. Anh đóng cửa lại liền, hỏi các ông là phe ông Trí Quang ? thầy Nhật Thiện chỉ tôi, nói thầy Trí Quang là vị này. Không hỏi gì nữa, anh kéo ba chiếc ghế mời chúng tôi ngồi, rồi gọi điện thoại.

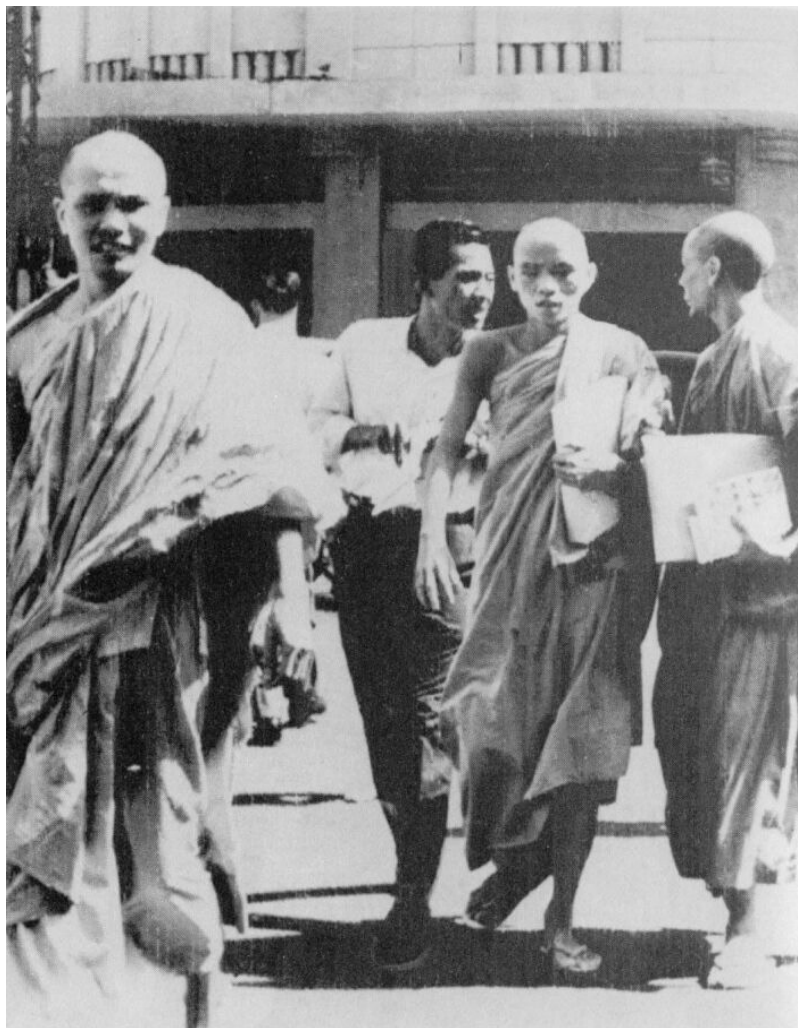
Một lát, người Mỹ đã gặp tôi ở Từ Đàm đến, nói gì đó mà tôi chắc là xác nhận về tôi. Thế là chúng tôi được đưa vào thang máy, lên một phòng có vẻ là nơi làm việc. Rồi ba người Mỹ nữa đến mà sau này tôi biết một trong ba người là ông cố vấn chính trị toà đại sứ. Họ chỉ hỏi thăm bình thường. Rồi đem một chiếc radio, mở đài BBC cho tôi nghe. Thì ra đài này đang loan tin tôi đã vào toà đại sứ Mỹ. Từ khi vào đây đến lúc nghe BBC chỉ non một tiếng đồng hồ.

Trong khi nghe BBC, có tiếng chiến xa chạy tiếp nhau quanh quần toà đại sứ. Máy người nói với tôi, chắc là quân đội đang bao vây. Họ trình trọng nói, nếu thầy có ý tỵ nạn thì thầy là người khách của chúng tôi. Tôi nói, “ tôi vào đây là để, xin lỗi, coi người Mỹ giải quyết thế nào về sự việc mà, dầu sao, người Mỹ cũng có trách nhiệm liên đới. Tôi yêu cầu tỵ nạn chính trị một thời gian cần thiết mà thôi ”. Họ xác nhận với tôi, trình trọng mời lên nghỉ tạm tại phòng họp của họ.

Về anh lính Mỹ gác cửa, sau này lên gác phòng chúng tôi, nói chuyện mới biết anh vốn là quân nhân Mỹ hồi thế chiến thứ 2, có lần đóng gần Bồ Đề Tràng ở Ấn Độ, tìm hiểu Phật giáo và qui y với một tăng sĩ Tàu có chùa ở đó. Anh kể hôm các thầy mới vào, cửa hơi khép nhưng tôi vẫn chú ý. Thấy ba áo vàng đi qua, tôi đoán biết nên mở lớn cửa ra. Thì có các thầy vào thật.

Quyết định tỵ nạn tại toà đại sứ Mỹ tuy mới phát sinh trong lúc khẩn cấp, nhưng trước đó, gần ngày thiết quân luật, cụ Hiếu, hội trưởng Phật giáo Nguyên Thủy, đã nói riêng với tôi, rằng ông đại sứ Thái Lan quen cụ, nhấn lời nói tôi có thể vào tỵ nạn chỗ ông nếu tôi muốn. Tôi nói với cụ Hiếu xin gửi lời cảm ơn, nhưng không có ý định tỵ nạn. Thầy Tâm Giác cũng nói tương tự, tôi cũng trả lời tương tự. Đến hôm sắp thiết quân luật, 7 giờ tối đã có một người Nhật mà thầy Tâm Giác nói là nhân viên toà đại sứ Nhật, vẫn vào đợi quyết định của tôi. Thầy Tâm Giác và người ấy đợi gần 11 giờ khuya, hỏi tôi lần chót, ghi nhận lãnh đạo Phật giáo có ý thức không tỵ nạn, mới về. Họ về quãng nửa giờ thì Xá Lợi bị tấn công.

Khi ở toà đại sứ Mỹ, họ mời tôi lên sân thượng hứng gió chiều tối. Nhìn xuống thấy quần chúng bên kia đường Hàm Nghi có vẻ nhận ra tôi và vui mừng. Thế là không bao giờ tôi lên nữa. Tôi nói với người Mỹ, rằng không muốn một ai nghĩ tôi ý vào các ông nên không e ngại gì cả.



Thượng tọa Trí Quang (trái) ra khỏi đại sứ quán Mỹ ngày 4.11.1963 (hình AP)

TIỂU TRUYỆN TỰ GHI

Truyện của tôi không đáng gì mà phải ghi. Chỉ vì truyện ấy, hơn vài thập kỷ trước thập kỷ 2530 (1975-1985), có liên quan đến Phật giáo VN, lại bị hư cấu truyện và phim sai quá nên phải ghi. Nhưng ghi như dưới đây thì chỉ là có còn hơn không mà thôi.

Sinh chính quán của tôi là làng Diêm Điền, thuộc khu vực phía tây sông Nhật Lệ, nằm phía Bắc con đường cái quan nối liền công Quảng Bình, trung tâm thành phố Đồng Hới, đến tận của Vũ Thắng, ven chân dãy núi Hoành Sơn. Cả làng gốc Bắc, có lẽ di cư thời kỳ tiếp thu đất sinh lễ công chúa Huyền Trân, giọng nói đặc biệt, không như cả vùng Quảng Bình gốc Nghệ Tĩnh. Gia đình theo Phật tử đời Cổ. Cha pháp danh Hồng Nhật, mẹ pháp danh Hồng Trí, cùng là đệ tử của ngài Đắc Ân, Quốc Ân Tự, Huế, nguyên người Đức Phổ, đồng hương mẹ tôi. Cha tôi từng là nhân viên mật của một trong hai quân thứ Phan Đình Phùng ở Quảng Bình.

Tôi sinh giờ thìn, ngày 14-11 Quý Hợi 2467 (21-12-1923). Xuất gia vào giờ giao thừa vía Đức Di Lặc năm Bính Tý 2480 (1936). Bốn sư là ngài Hồng Tuyên, đồng sư với cha mẹ tôi, sáng lập và trụ trì Phổ Minh Tự, nơi được kể như tổ đình của Phật giáo Quảng Bình mà ngày nay hầu như không có gì.

Xuất gia một năm, năm sau Đinh Sửu 2481 (1937) tôi nhập học Phật Học Viện của Tổng Trị Sự Hội Phật Học, Huế. Thân giáo sư là ngài Trí Độ, trưởng giả Tâm Minh Lê Đình Thám cũng như một vị giáo sư

nữa. Ngài Trí Độ thọ giáo với ngài Phước Huệ, Thập Tháp Tự, Bình Định, thọ Bồ tát giới với ngài Đắc Quang, Quốc Ân Tự, Huế - hai ngôi chùa này cùng do ngài Nguyên Thiều, vị Tổ khai sơn Phật giáo Nam Hà thời Trịnh Nguyễn phân tranh, sáng lập.

Nhập học Phật Học Viện từ năm 2481 (1937) đến năm 2487 (1943) thì có một kỳ thi khác thường. Phật Học Viện có học trình 10 năm : ba năm sơ đẳng, ba năm trung đẳng, hai năm cao đẳng, hai năm siêu đẳng. Mỗi năm có một kỳ thi, đề tài lấy trong kinh sách đã học năm đó. Kỳ thi 2487 (1943) là tốt nghiệp trung đẳng, đột nhiên có quyết định thi hết kinh sách đã học từ năm ấy trở lui. Có vài môn thi vốn không học như thi viết luận Hoa văn, thi nói Nghi lễ mà các điều tán là chính. Viện cho biết thi tuyển sẽ khó khăn, và trúng tuyển kỳ thi này là trúng tuyển tốt nghiệp. Học trình hai năm cao đẳng và hai năm siêu đẳng sẽ dồn lại làm một và không thi nữa. Kỳ thi này tôi có số điểm cao nhất. Và hai năm sau, Ất Dậu 2489 (1945) tại Đại Tông Lâm Kim Sơn, cách một con sông sau chùa Thiên Mộ, cơ sở mới của Phật Học Viện, lễ tốt nghiệp được tổ chức, chỉ vài ngày trước ngày Nhật đảo chính Pháp trên toàn cõi Đông Dương.

Sau kỳ thi 2487 (1948), Phật Học Viện tổ chức lễ phát nguyện cho Sa Di giới do ngài Đắc Quang chứng minh, ngài Trí Độ cho mỗi người một pháp hiệu với chữ Trí đứng đầu. Cái tên Trí Quang có từ đó. Mùa hè năm ấy, ngài Hồng Tuyên chính thức cho tôi pháp danh Nhật Quang, pháp tự Trí Hải, lại tập chúng cử tôi làm Trú trì của Phổ Minh. Mùa hè 2489 (1945), sau khi làm lễ tốt nghiệp, tôi về Phổ Minh thì đến Vụ Lan xảy ra Cách Mạng Tháng Tám. Giao thừa vía Đức Di Lặc năm sau, Bính Tuất 2490 (1946), ngài Hồng Tuyên tổ chức truyền thọ Tỷ Kheo giới và đặc pháp cho tôi với hiệu Thiên Minh. Mùa xuân năm ấy, lần đầu tiên, tôi thảo đề án thống nhất Phật Giáo VN, kèm theo một hiến chương cũng được dự thảo, gửi đến Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đường bưu điện. Nhưng mùa hè năm ấy, ngài Trí Độ được Phật giáo Bắc mời ra lập Phật Học Viện. Tôi cũng được mời đi với ngài. Khi ra Quán Sứ, việc đầu tiên là thầy Tổ Liên cho tôi biết Chủ tịch Hồ Chí Minh có mời thầy và trao đề án nói trên. Nhưng lúc bấy giờ đang tiến hành thành lập Phật Học Viện nên chưa ai có thì giờ và cơ hội làm gì về đề án đó.

Phật Học Viện của Phật giáo Bắc thành lập cũng khá qui mô, đặc biệt tuyển sinh chu đáo, trên một tháng mà đã khai giảng được hai lớp chính. Tăng Ni tu học thật đáng trọng. Nhưng không mấy chốc mà đến tháng 9 kháng chiến toàn quốc. Tôi về quê nhà Quảng Bình, có tin chắc chắn Pháp sẽ đổ bộ nên mừng 8 tháng 2 năm sau, Đinh Hợi 2491 (1947), tôi xin ngài Hồng Tuyên truyền thọ Bồ tát giới. (...)

Thọ Bồ tát giới rồi, không đầy một tháng sau Pháp đổ bộ Đồng Hới, tôi tham gia kháng chiến. Nhưng tháng 10 năm ấy, mẹ tôi bệnh nặng, bốn anh em tôi đều đi kháng chiến, người thứ ba tử trận một tuần sau ngày Pháp đổ bộ, hai người thứ nhất và thứ tư ở xa, tôi ở gần nhà nhất nên phải về nuôi mẹ. Hôm tôi về đúng vào ngày 23 tháng 10, mãn tang cha tôi mất từ năm Ất Dậu. Năm sau, Mậu Tý 2492 (1948), tôi vào Huế, giảng dạy cho Phật Học Viện Báo Quốc. Năm sau nữa, Kỷ Sửu 2493 (1949), lần đầu tiên có quyết định Tăng sĩ đảm nhận Tổng trị sự Hội Phật Học, thầy Đôn Hậu hội trưởng, tôi phó. Cuối năm ấy, lần đầu tiên tôi vào Sài Gòn, ăn Tết Canh Dần 2494 (1950) tại đây. Dịp này cũng làm được vài việc : chung sức vận động hợp nhất ba Phật Học Đường Liên Hải, Mai Sơn và Ứng Quang (sau đổi Ấn Quang), thành lập Phật Học Viện Nam Việt, lại chung sức vận động thành lập Hội Phật Học Nam Việt. Rồi về Huế, làm chủ bút tạp chí Viên Âm tái bản. Cuối năm ấy bắt đầu vận động thống nhất Phật Giáo VN, có một phần do kích thích tổ Phật Giáo Đờ Thế Giới Hữu Nghị thành lập tại Tích Lan, Phật Đản Tân Mão 2495 (1951), Đại Hội Phật Giáo Toàn Quốc, gồm cả hai tập đoàn Tăng sĩ và cư sĩ của ba miền, họp tại Từ Đàm, Huế, và Tổng Hội này gặp đủ thứ ma chướng : trong nhà có ba tập đoàn thiếu hoan hỷ, ở ngoài thì chính quyền Trần Văn Hữu làm khó, chính quyền Nguyễn Văn Tâm sau đó càng làm khó hơn ; bằng hiệu văn phòng bị hạ, ngài Hội chủ Thích Tịnh Khiết bị buộc nạp khuôn dấu, nhân viên Quản Trị Trung Ương người phải lánh, người bị tù. Tôi mạo hiểm nắm việc. Sau một năm xuôi ngược, đầu năm Quý Ty 2497 (1953), Tổng Hội được thừa nhận và đúng 10 năm sau, chính Tổng Hội này là chủ chốt trong Pháp nạn Quý Mão 2507 (1963). Trong khi vận động cho Tổng Hội Phật Giáo VN được thừa nhận, có sự đề phòng không thành nên Giáo Hội Tăng Già Toàn Quốc được thành lập bởi ba tập đoàn Tăng sĩ của ba miền, họp tại Quán Sứ, Hà Nội, năm Nhâm Thìn (1952).

Giáp Ngọ 2498 (1954), kháng chiến chống Pháp kết thúc. Miền Nam ông Ngô Đình Diệm đứng ra. Việc

này được biết rõ khi hội nghị Genève sắp kết thúc. Lần chót, trước khi Nam Bắc phân cách, mẹ con tôi đã nói chuyện với nhau khá nhiều. Rốt cuộc mẹ tôi bảo, vậy là miền Nam "qua lang" vẫn hoành hành ! Thôi thì con đi mà lo báo bổ cho Phật. Tôi đi, và Ất Mùi 2499 (1955), nhận chức vụ Hội Trưởng Tổng Trị Sự Hội Phật Học, vận động đổi tên Phật Học ra Phật Giáo, đưa Tổng Hội Phật Giáo VN vào đặt trụ sở ở Sài Gòn. Rồi nghỉ việc cho đến Quý Mão 2507 (1963) nhận lại chức vụ nói trên. Với chức vụ này, Phật Đản năm ấy tôi phát động, và chung sức lãnh đạo, việc chống chế độ Ngô Đình Diệm.

Ông Ngô Đình Diệm muốn Thiên Chúa Giáo của ông độc tôn, muốn anh của ông là Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục làm Hồng Y giáo chủ, nên ông kỳ thị đàn áp Phật Giáo. Áp chiến lược chỗ thì rào chùa vào trong để hạn chế đi lại, chỗ thì rào chùa ra ngoài để tự do bắn phá. Khu trừ mật thì bắt cán bộ cơ sở của Phật Giáo phá nhà bỏ của mà đi. Quân dịch thì bắt Tăng sĩ Phật Giáo làm những chức vụ nguy hiểm mà vô quyền, để tu sĩ Thiên Chúa ra mà nắm quyền chỉ huy ngay từ hạ tầng. Giải thưởng văn chương thì thưởng cho cuốn văn chương bình dân nội dung cốt chống Phật Giáo. Chương trình tú tài C thì đổi toàn lý thuyết thượng đế và nhân vị, lại thêm một bằng ban D với cổ ngữ La Tinh. Sát hại Phật tử thì có tập thể lên đến 36 người ở một nơi cùng một lúc, không còn lẻ tẻ nữa. Cả gan huy bỏ ngày Phật Đản trong danh sách ngày lễ được nghỉ của công tư chức, và danh sách này bao giờ Thiên Chúa Giáo cũng gấp đôi Phật Giáo cả ngày và giờ nghỉ. Dự số 10 được thêm dự bổ túc, tăng cường sự hạ giá và kèm chế đối với Phật Giáo. Rồi sửa điện Thái Hoà của hoàng thành Huế thì có lưỡng long mà không có nhật nguyệt để phòng cấm thành giá. Mọi việc xuôi xả thì toà Hồng Y giáo chủ sẽ đặt ở đó. Cái làm cho không xuôi là cờ Phật Giáo. Vatican điều tra thấy Huế, địa phận của Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục sao mà Phật Giáo nhiều quá : Phật Đản thì cờ Phật Giáo đầy hai bên đường từ Huế ra La Vang, kiệu đức Mẹ thì từ La Vang vào Huế không có cờ của Vatican. Ông Ngô Đình Diệm bèn bắt công chức Huế kê tên cả nhà để đưa cho anh mình báo cáo là giáo dân, và Phật Đản 2507 (1963) thì triệt hạ cờ Phật Giáo để Vatican thấy dân Huế theo anh mình hết rồi. Phật Giáo thì suốt thời Pháp thuộc cho đến lúc đó chổng chát bao nhiêu chịu đựng. Nay thì không chịu nữa. Ngay sau khi tuyên bố như vậy, tôi gửi đến Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc một điệp văn nêu lên tình hình vi phạm nhân quyền và kỳ thị tín ngưỡng của chế độ Ngô Đình Diệm. Từ đó cho đến ngày ông bị lật đổ, mọi hoạt động trong và ngoài nước ai cũng biết không nhiều thì ít, không thể kể cho hết được. Có điều phải nói, trước và sau 1963, cho đến 1975, Phật Giáo VN không bao giờ nằm trong túi ai cả, mặc dầu suốt thời gian này việc gì nổi lên mà không có sự khai thác theo ý riêng. Như bản thân tôi đây, vì ngài Quảng Đức tự thiêu nên ông Ngô Đình Diệm phải mời phái đoàn Phật Giáo mở hội nghị với phái đoàn chính phủ, tôi phải vào Sài Gòn để cùng quyết định tại chỗ những gì phái đoàn hợp, theo tư thế của tôi và theo sự uỷ nhiệm, phải chung quyết thay ngài Hội Chủ. Chuyên đi có ngài, có thầy Thiện Minh và tôi, đi xe từ sân chùa Từ Đàm thẳng xuống sân bay Phú Bài. Ai cũng nghĩ tôi đi tiễn, khi máy bay sắp cất cánh mới biết tôi đi thì phản ứng không kịp, và việc này chỉ do sự sắp đặt khéo léo một chút của một Phật tử. Nhưng phi cơ thay vì vào Sài Gòn lại lên Kontum, đậu ở đó đến ba tiếng. Nhân viên phi hành đoàn bí mật cho tôi hay vì tôi, và đang chờ Sài Gòn quyết định. Sài Gòn đã quyết định để bay về đây, coi như không có việc gì. Đại loại như thế, chưa bao giờ tôi thoát hiểm bởi ai mà tôi không quen biết. Ngay như tài liệu tôi gửi Liên Hiệp Quốc, nhiều đến một valy phải vài người khiêng, nhưng từ Xá Lợi đi ra và qua thầu Liên Hiệp Quốc là do chính ông Bửu Hội, người của ông Ngô Đình Nhu, khi gặp tôi thì tình nguyện giúp bất cứ việc gì giúp được.

Nhưng ông Ngô Đình Diệm đồ rồi, đúng như tôi dự đoán, vấn đề Phật Giáo không phải kết thúc mà là bắt đầu. Từ đây sắp đi, Phật Giáo ở trong tình trạng cây muốn lặng mà gió không ngừng ; mặt khác, cường độ chiến tranh khiến Phật Giáo phải chống chiến tranh. Chỉ nói vắn tắt hai câu như vậy cũng thừa để thấy vấn đề Phật Giáo ngang trái đến mức nào. Những cái gọi là Thượng Hội Đồng Quốc Gia, Quốc Hội Lập Hiến hay thành phần đối lập, cùng những sự lên xuống của bao chính phủ, toàn không có gì đáng nói. Công bình mà nói thì cũng có sự toan hóa hồ mà lại loại cầu. Cho đến Bính Ngọ 2510 (1966), vấn đề đã lên cao độ. Sau một cuộc họp của Phật Giáo, tôi nói với người Mỹ rằng Phật Giáo phải chính thức vận động hoà bình, người Mỹ nói với tôi rằng hoà bình là chiến tranh tàn rụi dần đi. Quan điểm tương phản đến mức đó nên phải có vụ 1966 ; có vụ ám sát thầy Thiện Minh (mà không chết) ; có vụ âm mưu lừa tôi ra đi mà từ 1965 đã được bàn lên ; có vụ cầm tù tôi ở đường đường Duy Tân ; có vụ Viện Hoá Đạo của Việt Nam Quốc Tự ; có vụ huỷ bỏ hiến chương Phật Giáo ; có vụ ra giá nếu tôi chịu cho thu thanh một lời lên án việc tấn công nhân Tết Mậu Thân thì trả hiến chương, bỏ Tâm Châu, biếu tặng quyền lợi thật hấp dẫn ; có vụ bắt tôi sau đó ; có vụ ly gián Phật Giáo lẫn nữa theo kế hoạch Thiệu Trung ; có vụ một viên tướng tưởng mình đàn áp được Phật Giáo năm 1966 nhưng sau nhờ một viên

tướng đàn anh đến vận động tôi ủng hộ cho ứng cử Tổng Thống, vì, cho đến nay, vẫn cho rằng mình làm Tổng Thống thì miền Nam không bại trận mà còn chiến thắng. Tuy có lắm vụ mà có vụ chỉ là trò bầy nhặng như vậy, nhưng từ tháng 9-1966, tôi đã biết đích xác Hoa Mỹ sẽ quan hệ bình thường, cuộc chiến Việt Nam sẽ thương thuyết kết thúc, mọi cường độ quân sự chỉ là áp lực tranh thắng.

Ấy thế, mọi việc diễn ra có lúc đến chóng mặt. Cho đến mùa xuân 2519 (1975) thì một ngày mà có người ba lần đến vận động tôi dừng chống việc ông Dương Văn Minh đứng ra, “ vì chính quyền của ông ấy sẽ có bảy phần mười là người tiến bộ ”. Tôi không nói lại gì cả, chỉ quan tâm lời thầy Trí Thủ nói, rằng chim cá còn mưa mà phóng sinh, lẽ nào đồng bào mà không hy sinh cấp cứu. Rồi ông Dương Văn Minh gặp tôi, đưa ra hai mảnh giấy báo cáo mật cho thấy ngân hàng trống rỗng và quân sự nguy ngập, và nói ông không vụ lợi vì lợi không còn gì, không cầu danh vì danh đến quốc trường là cùng, ông chỉ không nỡ ngồi nhìn chết chóc. Tôi nói, nếu lòng ông như thế là ông làm như lời thầy Trí Thủ nói, và có nghĩa ông thay người khác mà vác cờ trắng ! Sau đó mấy tháng, tôi trả lời một thầy Phật Giáo cấp tỉnh, rằng nay Phật Giáo VN bước qua một giai đoạn khác.

Tổng chi, tôi có tham vọng không ? Có, mà có đến nỗi có người đã nói hơi chướng nữa. Tham vọng của tôi không mơ mộng Phật Giáo trở lại vị thế quốc giáo như thời xa xưa, càng không mong muốn Phật Giáo thành một Thiên Chúa Giáo thứ hai. Tôi chỉ mong ước, trong cơn nghiêng ngửa của đất nước, ai nhìn vào Phật Giáo cũng nghĩ rằng đất nước này còn có cái ấy.

Nhưng tôi không chế ngự nổi hoàn cảnh đó, sự mong ước như vậy thể hiện cho thật vừa ý. Truyện của tôi là truyện buồn cho tôi, ở chính cái điểm này. Truyện của tôi đúng là

*Cao cao sơn thượng hành thuyền,
thâm tâm hải đế tẩu mã.*

Ngựa phi dưới nước,
thuyền chèo trên non.

Thích Trí Quang

(Trích từ *Tiểu truyện tự ghi* của Hòa thượng Thích Trí Quang, nguyên là Phụ lục 3 trong bản thảo của cuốn Bồ Tát Giới của Hòa thượng in sau năm 1975 tại Việt Nam)